

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng
của Trường Đại học Cần Thơ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Theo đề nghị của ông Trưởng Phòng Kế hoạch Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Quy định Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Cần Thơ” kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quy định Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Cần Thơ được phổ biến đến toàn thể viên chức, người lao động và người học của Trường Đại học Cần Thơ để thực hiện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng: Kế hoạch-Tổng hợp và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



QUY ĐỊNH

Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Cần Thơ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5845/QĐ-ĐHCT
Ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Cần Thơ (Trường ĐHTC).
2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị, tổ chức, đoàn thể trực thuộc, viên chức, người lao động, người học của Trường ĐHTC trong hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng (KN&PVCD) của Nhà trường.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. **Cộng đồng** (Community) là các đối tượng, đối tác trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu, phát triển, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động, chính quyền các cấp và các bên liên quan trong phạm vi triển khai các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, phát triển của Nhà trường.
2. **Kết nối cộng đồng** (Community engagement) là sự liên kết giữa Nhà trường (đơn vị, tổ chức, đoàn thể trực thuộc, viên chức, người lao động, người học) với cộng đồng.
3. **Phục vụ cộng đồng** (Community supports and services) là các hoạt động, dịch vụ phục vụ nhằm góp phần vào việc giải quyết những vấn đề cụ thể của cộng đồng, mang lại lợi ích cho cộng đồng, cho xã hội.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- a) Xây dựng cụ thể các hình thức và hoạt động KN&PVCD của Nhà trường;
- b) Nâng cao ý thức và trách nhiệm của các đơn vị, viên chức, người lao động, người học và các bên liên quan của Nhà trường trong hoạt động KN&PVCD;
- c) Xây dựng văn hóa chất lượng giáo dục, hỗ trợ lan tỏa sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường hướng đến sự phát triển bền vững của cộng đồng, nâng tầm và hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác giữa cộng đồng với Nhà trường.

2. Yêu cầu

- a) Hoạt động KN&PVCD phải được thực hiện theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường ĐHTC;
- b) Hoạt động KN&PVCD phải có ý nghĩa thiết thực và giá trị nhân văn đối với các bên tham gia;

c) Hoạt động KN&PVCD thể hiện được hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế và đặc thù của Nhà trường;

d) Hoạt động KN&PVCD mang tính dẫn dắt, có định hướng chiến lược, góp phần đáng kể vào việc phát triển năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Nhà trường;

đ) Các kế hoạch và hoạt động KN&PVCD cần được đánh giá định kỳ, để phát huy, điều chỉnh, cải tiến nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế và sự hài lòng của các bên liên quan.

Chương II

PHẠM VI KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Điều 4. Chính quyền các cấp tại các địa phương

Kết nối với mục tiêu xây dựng mạng lưới hợp tác trong việc đào tạo, khai thác nguồn nhân lực; hợp tác trong hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ và tri thức tới cộng đồng; tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm, tư vấn về phát triển kinh tế xã hội của các địa phương; các hoạt động tình nguyện, từ thiện và các hoạt động phát triển kinh tế xã hội khác.

Điều 5. Các cơ quan, trường, tổ chức, doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động

Kết nối trong các hoạt động như: hỗ trợ đào tạo, cập nhật chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, khảo sát nhu cầu đào tạo theo thực tiễn và nhu cầu; các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển cộng đồng; các hoạt động hỗ trợ nghiên cứu, học thuật cho giáo viên và học sinh các trường phổ thông; các hoạt động tư vấn việc làm, hướng nghiệp, hỗ trợ người học; hoạt động cho sinh viên đến trải nghiệm, thực tập, thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp; các hoạt động tình nguyện, hỗ trợ đồng bào, đặc biệt là các vùng khó khăn; và các hoạt động liên quan khác.

Điều 6. Cộng đồng quốc tế

Kết nối và hợp tác trong hoạt động trao đổi đoàn ra, đoàn vào, đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, hỗ trợ cơ sở vật chất trang thiết bị và các hoạt động hợp tác khác phù hợp với quy định của pháp luật của Việt Nam, Công ước quốc tế và chiến lược phát triển của Trường ĐHCT.

Chương III

LOẠI HÌNH VÀ KHỐI LƯỢNG

HOẠT ĐỘNG KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Điều 7. Kết nối và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng

1. Hợp tác xây dựng và phát triển chương trình đào tạo; phối hợp tổ chức quá trình đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo theo hướng phát huy năng lực người học, đáp ứng nhu cầu xã hội, gắn việc đào tạo với sử dụng lao động.

2. Thực hiện chương trình liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học trong nước và nước ngoài.

3. Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ,

tin học, ngoại ngữ, và phương pháp nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và các vấn đề phát triển bền vững.

4. Phối hợp điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của xã hội; khảo sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp và khảo sát chất lượng đào tạo của Nhà trường.

5. Công khai, cung cấp thông tin về ngành, chương trình đào tạo, vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp và tổ chức chương trình tư vấn tuyển sinh của Nhà trường hàng năm.

Điều 8. Kết nối và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

1. Phối hợp triển khai, tổ chức nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án khoa học công nghệ phục vụ lợi ích cộng đồng và phát triển kinh tế - xã hội địa phương và khu vực.

2. Xây dựng, triển khai, phát triển các dịch vụ chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội và phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường.

3. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học về các lĩnh vực liên quan đến hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của nhà trường và gắn với chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Điều 9. Kết nối và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực tư vấn chuyên môn, chính sách, chiến lược phát triển

1. Tham gia các tổ chức, hiệp hội nghề nghiệp có liên quan để hỗ trợ, tư vấn chuyên môn, nghiệp vụ cho sự phát triển chung.

2. Tham gia tư vấn, phản biện việc xây dựng và triển khai các chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

3. Xây dựng chuyên đề, đề án và tổ chức các hoạt động tư vấn về chuyên môn, nghiệp vụ, chính sách, chiến lược phát triển cho các bên liên quan và cho vùng.

Điều 10. Kết nối và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực tư vấn, hỗ trợ người học

1. Tư vấn, hỗ trợ người học tiếp cận các nguồn lực về học liệu, kỹ thuật, kỹ năng, nguồn tài chính,... phục vụ tốt quá trình học tập và rèn luyện.

2. Tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp, công tác tư vấn tâm lý, sức khỏe, pháp luật; công tác tư vấn hướng nghiệp, việc làm, đào tạo các kỹ năng, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp... cho người học. Thực hiện công tác Đảm bảo ANTT trường học, công tác y tế học đường theo đúng quy định tạo môi trường giáo dục an toàn, xanh, sạch, thân thiện, văn minh.

3. Kết nối, phối hợp với các nhà tuyển dụng tổ chức hoạt động Ngày hội/Hội chợ việc làm, giới thiệu việc làm cho người học và xây dựng cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin người học cho nhà tuyển dụng.

4. Phối hợp tổ chức, tạo điều kiện để người học được tham gia các hoạt động về chuyên môn, nghiệp vụ, văn hóa, văn nghệ, thể thao, các câu lạc bộ, hoạt động học thuật,... với các

bên liên quan.

Điều 11. Kết nối và phục vụ cộng đồng trong các hoạt động xã hội, tình nguyện, nhân đạo, từ thiện

1. Tổ chức các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện như: Mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi, hiến máu nhân đạo, quyên góp ủng hộ quỹ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt, nạn nhân bị ảnh hưởng chất độc màu da cam, tham gia các hoạt động xã hội bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh trật tự, v.v.

2. Tham gia các hoạt động, sự kiện trọng đại của chính quyền các địa phương, như: tham gia các Hội nghị, hội thảo; Các chương trình nghệ thuật nhân các ngày lễ lớn, sự kiện đối ngoại và hợp tác quốc tế.

3. Tham gia các hoạt động giao lưu, hợp tác trao đổi kinh nghiệm giữa nhà trường với các bên liên quan nhằm quảng bá thương hiệu, hình ảnh của nhà trường ra cộng đồng, xã hội.

Điều 12. Khối lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Đối với các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường: căn cứ vào kế hoạch hoạt động hằng năm của Trường; theo chức năng và nhiệm vụ chuyên môn của từng đơn vị cần xác định khối lượng hoạt động của từng loại hình dịch vụ phục vụ cộng đồng của đơn vị.

2. Đối với viên chức và người lao động: Khối lượng và chất lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng của viên chức và người lao động được sử dụng trong quá trình xem xét, đánh giá thi đua hằng năm.

3. Đối với người học: Khối lượng và chất lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng của người học được sử dụng trong quá trình xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của người học theo quy định hiện hành.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Giám hiệu

1. Phê duyệt kế hoạch hoạt động KN&PVCD hàng năm của Nhà trường và chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

2. Căn cứ tình hình thực tế của Nhà trường, tổ chức chỉ đạo thực hiện các hoạt động KN&PVCD theo các Điều 7, 8, 9, 10, 11 và 12 của Quy định này.

3. Bảo đảm các điều kiện nhằm phát huy vai trò của tổ chức, đoàn thể trong việc triển khai thực hiện hoạt động KN&PVCD của Nhà trường.

4. Tổ chức rà soát, đánh giá, cải tiến các hoạt động KN&PVCD định kỳ cho sự phát triển chung của Nhà trường.

Điều 14. Trách nhiệm của các Phòng, Ban, Trung tâm

1. Phòng Kế hoạch tổng hợp

Tham mưu cho Ban Giám hiệu và hỗ trợ các đơn vị trong Trường để báo cáo, kê khai hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. Tổ chức triển khai các hoạt động KN&PVCD của Nhà trường đến các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường.

Tổng hợp báo cáo, lưu trữ dữ liệu liên quan đến hoạt động KN&PVCD hàng năm

từ các đơn vị thuộc trường.

2. Phòng Tổ chức cán bộ

Tham mưu cho Ban Giám hiệu và hỗ trợ các đơn vị trong Trường để đảm bảo nguồn nhân lực trong quá trình tổ chức hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. Tham mưu cho BGH trong việc ra các quy định, chính sách phù hợp nhằm khuyến khích viên chức và người lao động trong việc thực hiện các hoạt động KN&PVCD.

3. Phòng Đào tạo, Khoa Sau đại học, Trung tâm Liên kết đào tạo

Tham mưu cho Ban Giám hiệu, phối hợp với các Trường/Khoa/Viện, đơn vị trong toàn trường tổ chức các hoạt động liên quan đến nâng cao chất lượng đào tạo và phương thức đào tạo, gắn kết doanh nghiệp và cộng đồng trong đào tạo nhằm phục vụ hiệu quả cho nhu cầu thực tiễn của cộng đồng.

4. Trung tâm tư vấn, hỗ trợ và khởi nghiệp sinh viên

Kết nối và phối hợp với các cơ sở đào tạo, các mạng lưới nhà tuyển dụng, doanh nghiệp để tổ chức hoạt động Ngày hội/Hội chợ việc làm, giới thiệu việc làm cho người học; xây dựng cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin người học phù hợp cho nhà tuyển dụng. Thực hiện công tác tư vấn hướng nghiệp, việc làm, đào tạo các kỹ năng, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp, v.v cho người học.

Phối hợp tổ chức, tạo điều kiện để người học được tham gia trải nghiệm các hoạt động về chuyên môn, nghiệp vụ, văn hóa, văn nghệ, thể thao, các câu lạc bộ, hoạt động học thuật,... với các bên liên quan.

5. Phòng công tác sinh viên

Tham mưu cho Ban giám hiệu trong việc đề ra các chính sách hỗ trợ khuyến khích người học và phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc tổ chức tư vấn, hỗ trợ người học tiếp cận các nguồn lực về học liệu, kỹ thuật, kỹ năng, nguồn tài chính,... phục vụ tốt quá trình học tập và rèn luyện.

Tổ chức thực hiện các công tác tư vấn và hỗ trợ về tâm lý, sức khỏe, pháp luật; công tác an ninh trật tự trường học, y tế học đường theo quy định.

6. Phòng Quản lý khoa học

Tham mưu cho Ban Giám hiệu và phối hợp với các đơn vị triển khai các hoạt động liên quan đến nghiên cứu khoa học các cấp, chuyển giao công nghệ và hợp tác trong nước gắn với KN&PVCD. Đề xuất ký kết hợp tác với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị và cá nhân trong nước phù hợp với quy định của pháp luật và chiến lược phát triển của Nhà trường. Thực hiện các báo cáo tổng hợp liên quan đến các hoạt động KN&PVCD phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của Phòng.

7. Phòng Hợp tác quốc tế

Tham mưu cho Ban Giám hiệu và phối hợp với các đơn vị triển khai các hoạt động liên quan đến ký kết hợp tác, trao đổi học thuật, nghiên cứu và phát triển với các đối tác có yếu tố nước ngoài có liên quan đến hoạt động KN&PVCD.

8. Phòng Quản trị thiết bị

Sắp xếp và bố trí trang thiết bị, cơ sở vật chất cần thiết để tổ chức tốt các hoạt động KN&PVCD theo kế hoạch cụ thể của các đơn vị có liên quan đã được Ban Giám hiệu phê duyệt.

9. Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng

Đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng mạng phục vụ cho việc ứng dụng các giải pháp công nghệ trong truyền thông đến các bên liên quan và cộng đồng.

Cập nhật các thông tin liên quan đến hoạt động phục vụ cộng đồng lên Website, Fanpage của Nhà trường để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

10. Trung tâm Quản lý Chất lượng

Hàng năm chủ trì lên kế hoạch bao gồm quy trình, phương pháp, công cụ và hướng dẫn về việc thu thập thông tin khảo sát lấy ý kiến đánh giá tác động từ các bên liên quan và cộng đồng trình BGH phê duyệt và phối hợp với các đơn vị có liên quan trong trường để triển khai thực hiện kế hoạch.

Căn cứ báo cáo từ các đơn vị, đoàn thể trong trường để đề xuất các khuyến nghị nhằm đảm bảo các yêu cầu đánh giá chất lượng và kế hoạch cải tiến chất lượng phục vụ cộng đồng căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan.

11. Phòng Tài chính

Kiểm soát dự toán kinh phí theo kế hoạch được Hiệu trưởng phê duyệt cho công tác KN&PVCD; thực hiện tham mưu, tư vấn, thanh quyết toán kinh phí đúng quy định.

12. Phòng Thanh tra - Pháp chế

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức phổ biến các quy định, chính sách liên quan đến KN&PVCD cho các đơn vị, viên chức - người lao động, người học trong Trường. Phối hợp với các đơn vị liên quan trong xây dựng các quy định, chính sách, giám sát, kiểm tra việc triển khai, tổ chức thực hiện các hoạt động KN&PVCD của Nhà trường.

Điều 15. Trách nhiệm của các Trường/Khoa/Viện/Trung tâm thuộc và trực thuộc Trường Đại học Cần Thơ

Hàng năm chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động KN&PVCD của đơn vị dựa trên kế hoạch khung của Nhà trường và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Chủ động theo dõi, kiểm tra, rà soát, đánh giá kết quả các hoạt động KN&PVCD và đề ra các giải pháp cải tiến chất lượng phục vụ cộng đồng.

Định kỳ hàng năm có báo cáo kết quả hoạt động và đề xuất phương hướng, giải pháp phát triển KN&PVCD.

Điều 16. Trách nhiệm của các tổ chức Đoàn thể

1. Công Đoàn trường

Phối hợp với các đơn vị trong Trường tổ chức các hoạt động tình nguyện, từ thiện nhằm giúp đỡ các đối tượng chính sách, người nghèo, người yếu thế, trẻ em, đồng bào dân tộc thiểu số, người dân ở các vùng có điều kiện khó khăn và những người chịu thiệt thòi do thiên tai, lũ lụt, v.v gây ra.

2. Đoàn Thanh niên - Hội sinh viên

Phối hợp với các đơn vị tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường, phòng chống ma túy, các tệ nạn xã hội...

Tổ chức cho thanh niên, đoàn viên, người học tham gia các hoạt động mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, giao lưu quân-dân, giao lưu học sinh phổ thông....

Điều 17. Trách nhiệm của viên chức, người lao động và người học

Nắm vững chiến lược, chủ trương, chính sách của Nhà trường, nhiệm vụ của đơn vị và cá nhân; tham gia tích cực, có trách nhiệm và hiệu quả trong các hoạt động KN&PVCD.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Triển khai hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng

1. Đầu mỗi năm học, các đơn vị và đoàn thể lập kế hoạch hoạt động KN&PVCD theo chức năng, gửi Phòng kế hoạch tổng hợp lập kế hoạch chung của Trường và trình Ban Giám hiệu phê duyệt để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Các đơn vị và đoàn thể có trách nhiệm triển khai các hoạt động theo kế hoạch. Cuối năm tổng hợp, đánh giá kết quả, đề xuất giải pháp cải tiến và gửi thông tin, dữ liệu, báo cáo đến Phòng kế hoạch tổng hợp, để tổng hợp cho báo cáo chung của Trường hàng năm.

3. Các thông tin, dữ liệu, tài liệu, văn bản, minh chứng liên quan đến hoạt động KN&PVCD được các đơn vị thu thập và lưu trữ đầy đủ cho các công tác chung của Nhà trường.

4. Các đơn vị, cá nhân trong toàn trường nghiêm túc thực hiện các hoạt động KN&PVCD theo đúng kế hoạch của đơn vị và Nhà trường.

Điều 19. Khen thưởng, kỷ luật

Trên cơ sở đánh giá những đóng góp của các đơn vị và cá nhân cho hoạt động KN&PVCD và đề xuất của Phòng, Ban, Trung tâm và các đơn vị, Hiệu trưởng xem xét vinh danh, khen thưởng cho các đơn vị và cá nhân có thành tích nổi bật. Các trường hợp vi phạm tùy trường hợp sẽ bị xử lý theo quy định.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

Lãnh đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Cần Thơ chịu trách nhiệm phổ biến **Quy định này** và **Bộ chỉ số cơ bản về KN&PVCD của Trường Đại học Cần Thơ đính kèm** cho toàn thể viên chức, người lao động, người học thuộc đơn vị quản lý, đồng thời chỉ đạo, tổ chức triển khai hiệu quả các hoạt động KN&PVCD theo kế hoạch.

Ban chỉ đạo và Tổ công tác KN&PVCD do Hiệu trưởng quyết định thành lập, chịu trách nhiệm điều hành chung, theo dõi, tổng kết, đánh giá các hoạt động KN&PVCD của Nhà trường; đồng thời có nhiệm vụ rà soát, điều chỉnh, bổ sung **Quy định này** và **Bộ chỉ số cơ bản về KN&PVCD** phù hợp khi cần thiết./.



PHỤ LỤC
BỘ CHỈ SỐ CƠ BẢN VỀ KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHCT

Ngày tháng năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

TT	LOẠI HÌNH HOẠT ĐỘNG
I	Các hoạt động liên quan đến Kết nối và Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ phục vụ cộng đồng
1,1	Số Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia, góp ý của cộng đồng, để phù hợp với nhu cầu thực tiễn - phục vụ hiệu quả cộng đồng
1.1.1	Đại học
1.1.2	Cao học
1.1.3	Nghiên cứu sinh
1,2	Liên kết đào tạo với các địa phương, doanh nghiệp
1.2.1	Số ngành đào tạo liên kết
1.2.2	Số người học
1,3	Bồi dưỡng nghiệp vụ, chuẩn hóa, tập huấn về giáo dục
1.3.1	Số khóa bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm hàng năm
1.3.2	Số người học bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm hàng năm
1.3.3	Số khóa bồi dưỡng ngoại ngữ cho giáo viên hàng năm
1.3.4	Số người học bồi dưỡng ngoại ngữ cho giáo viên hàng năm
1.3.5	Số khóa đào tạo ngắn hạn các lĩnh vực hàng năm
1.3.6	Số người được đào tạo ngắn hạn các lĩnh vực hàng năm
1.3.7	Số khóa bồi dưỡng Tin học cho địa phương
1.3.8	Số người học bồi dưỡng Tin học cho địa phương
1.3.9	Số khóa bồi dưỡng về kinh tế cho địa phương
1.3.10	Số người học bồi dưỡng về Kinh tế
1.3.11	Số khóa bồi dưỡng, tư vấn về Luật cho cộng đồng
1.3.12	Số người học bồi dưỡng về Luật
1,4	Khảo sát nhu cầu nhân lực địa phương và khảo sát về việc làm sinh viên sau tốt nghiệp
1.4.1	Số đợt khảo sát nhu cầu nhân lực địa phương
1.4.2	Tổng số người tham gia khảo sát nhu cầu nhân lực địa phương
1.4.3	Tỷ lệ sinh viên có việc làm trong 12 tháng từ khi tốt nghiệp (%)
1,5	Công khai cung cấp thông tin về ngành học, chương trình đào tạo cho cộng đồng
1.5.1	Số ngành đào tạo đại học được công khai trên website
1.5.2	Số ngành/chuyên ngành đào tạo cao học được công khai trên website
1.5.3	Số ngành/chuyên ngành đào tạo nghiên cứu sinh được công khai trên website
1,6	Tổ chức tư vấn tuyển sinh
1.6.1	Số đợt tư vấn tuyển sinh ngoài trường
1.6.2	Số lượt người được tư vấn tuyển sinh ngoài trường
1.6.3	Số đợt tư vấn tuyển sinh tại trường
1.6.4	Số lượt người được tư vấn tuyển sinh tại trường

1.7	Hoạt động hỗ trợ nghiên cứu, học thuật cho học sinh phổ thông
1.7.1	Số hoạt động hàng năm
1.7.2	Số học sinh phổ thông tham gia hàng năm
1.8	Chương trình Mekong1000
1.8.1	Số học viên các tỉnh được hỗ trợ đào tạo Thạc sĩ quốc tế
1.8.2	Số học viên các tỉnh được hỗ trợ đào tạo Tiến sĩ quốc tế
1.9	Học kỳ nhiệt đới (Tropical semester)
1.9.1	Số học viên quốc tế tham gia học tập hàng năm
1.9.2	Số tiền đóng góp hỗ trợ cộng đồng thông qua quà tặng và các công trình xây dựng
II	Hoạt động liên quan đến Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, kết nối doanh nghiệp và khởi nghiệp gắn với nhu cầu thực tiễn, phát triển cộng đồng
2,1	Số đề tài NCKH các cấp
2.1.1	Cấp Tỉnh
2.1.2	Cấp quốc gia
2.1.3	Đề tài/ dự án doanh nghiệp
2.1.4	Đề tài/ dự án HTQT
2,2	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ, phục vụ cộng đồng
2,3	Số bài báo xuất bản trên Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ được công bố Online miễn phí
2,4	Số sách, tài liệu xuất bản của NXB ĐHCT phục vụ miễn phí
2,5	Tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn phục vụ cộng đồng qui mô cấp Trường
2.5.1	Số Hội nghị/ hội thảo/ diễn đàn trong nước
2.5.2	Số người tham dự (trực tiếp và trực tuyến) trong nước
2.5.3	Số Hội nghị/ hội thảo/ diễn đàn quốc tế
2.5.4	Số người tham dự (trực tiếp và trực tuyến) quốc tế
2,6	Tập huấn công nghệ
2.6.1	Số khóa tập huấn công nghệ về Nông nghiệp
2.6.2	Tổng số người tham gia tập huấn về Nông nghiệp
2.6.3	Số khóa tập huấn công nghệ về Thủy sản
2.6.4	Tổng số người tham gia tập huấn về Thủy sản
2.6.5	Số khóa tập huấn công nghệ về Môi trường
2.6.6	Tổng số người tham gia tập huấn về Môi trường
2.6.7	Số khóa tập huấn công nghệ lĩnh vực khác
2.6.8	Tổng số người tham gia tập huấn lĩnh vực khác
2.6.9	Tập huấn/hội thảo lĩnh vực xã hội nhân văn
III.	Tư vấn, phục vụ cộng đồng địa phương
3,1	Hội đồng phản biện quy hoạch, chính sách địa phương
3.1.1	Số hội đồng ở địa phương có tham gia
3.1.2	Số bài viết quan trọng tham gia hội nghị, hội thảo về chính sách phát triển cộng đồng
3,2	Các tổ chức, hiệp hội phát triển nghề nghiệp
3.2.1	Số lượng tổ chức, hiệp hội trong nước Trường ĐHCT có tham gia
3.2.2	Số lượng tổ chức, hiệp hội quốc tế mà Trường ĐHCT tham gia
3,3	Tọa đàm các chuyên đề thường kỳ phục vụ cộng đồng

3.3.1	Số cuộc tọa đàm SDMD tổ chức hằng năm
3.3.2	Số lượt người tham dự tọa đàm SDMD hằng năm
IV	Hoạt động phục vụ cộng đồng người học
4,1	Tiếp cận nguồn học liệu
4.1.1	Số đợt người học được tư vấn, hỗ trợ từ Trung tâm học liệu hằng năm
4.1.2	Số đơn vị (trong nước/quốc tế) liên kết với Trung tâm học liệu
4.1.3	Số học liệu được mua mới hằng năm phục vụ cộng đồng người học (Bản tài liệu)
4,2	Sức khỏe
4.2.1	Số đợt tư vấn người học về sức khỏe
4.2.2	Số lượt hỗ trợ điều trị bệnh cho người học
4,3	Hỗ trợ việc làm
4.3.1	Số đợt hội chợ việc làm được tổ chức hằng năm
4.3.2	Số công ty, doanh nghiệp tham gia hằng năm
4,4	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sinh viên của Trường
4.4.1	Số khóa tập huấn ngắn hạn và số người tham dự về khởi nghiệp hằng năm được tổ chức, giới thiệu cho người học
4.4.2	Số đề tài, dự án của sinh viên tham gia các hoạt động khởi nghiệp
4.4.3	Số sinh viên tham gia trao đổi sinh viên và giao lưu quốc tế ngắn hạn về khởi nghiệp ĐMST
4,5	Hỗ trợ phong trào sinh viên
4.5.1	Số đợt văn nghệ phục vụ người học hằng năm của Trường
4.5.2	Số đợt thi thể thao tổ chức hằng năm của Trường
4,6	Học bổng cho sinh viên
4.6.1	Học bổng hằng năm của Trường cho sinh viên (Triệu đồng)
4.6.2	Các nguồn học bổng khác cho sinh viên (Triệu đồng) (nếu có)
4,7	Miễn giảm học phí cho sinh viên
4.7.1	Số lượng sinh viên được miễn giảm học phí hằng năm
4.7.1.1	Sinh viên ngành sư phạm
4.7.1.2	Sinh viên không thuộc ngành sư phạm
4.7.2	Kinh phí miễn giảm hằng năm (triệu đồng)
4,8	Tổ chức cho sinh viên giao lưu, học tập với sinh viên các Trường quốc tế
4.8.1	Số lượng sinh viên giao lưu, học tập ở nước ngoài
4.8.2	Kinh phí Trường hỗ trợ sinh viên giao lưu học tập ở nước ngoài hằng năm (triệu đồng)
V	Các hoạt động xã hội nhằm phục vụ cộng đồng
5,1	Mùa hè xanh
5.1.1	Số đợt tổ chức hằng năm
5.1.2	Số sinh viên tham gia hằng năm
5,2	Hiển máu nhân đạo
5.2.1	Số đợt tổ chức hằng năm
5.2.2	Số sinh viên tham gia hằng năm
5,3	Đền ơn đáp nghĩa
5.3.1	Số đợt tổ chức hằng năm
5.3.2	Số sinh viên tham gia hằng năm
5.3.3	Số kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)

5,4	<i>Giao lưu Quân - Dân</i>
5.4.1	Số đợt giao lưu Quân - Dân hàng năm
5.4.1	Quỹ hỗ trợ cựu chiến binh hàng năm (triệu đồng)
5,5	<i>Hỗ trợ người nghèo, thiên tai</i>
5.5.1	Số đợt quyên góp hỗ trợ người nghèo hàng năm
5.5.2	Số kinh phí hỗ trợ hàng năm (triệu đồng)
VI	<i>Hoạt động thông tin - truyền thông và hợp tác phục vụ cộng đồng</i>
6,1	<i>Số đoàn khách quốc tế đến (đoàn vào) hàng năm mà Nhà trường tiếp</i>
6,2	<i>Số lượng khách quốc tế (đoàn vào) hàng năm mà Nhà trường tiếp</i>
6,3	<i>Số MOU ký kết với đối tác quốc tế</i>
6,4	<i>Số MOU ký kết hợp tác với đối tác trong nước</i>
6,5	<i>Số đoàn ra của Trường</i>
6,6	<i>Số lượng cán bộ đi nước ngoài hàng năm</i>
6,7	<i>Số lượt truy cập website của Trường hàng năm</i>
6,8	<i>Số lượng người theo dõi facebook của Trường hàng năm</i>
6,9	<i>Số lượng bản in "Báo cáo thường niên" được xuất bản hàng năm (T.Việt và T.Anh)</i>